



UPPSALA
UNIVERSITET

Giáo dục liên ngành: sinh viên y khoa và điều dưỡng sẵn sàng như thế nào?

Trần Thụy Khánh Linh¹, Đỗ Minh Phượng¹,
Sara Södersten², Anna Wibåge², Christine Leo Swenne²

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

²Đại học Uppsala

NỘI DUNG

- ❖ Đặt vấn đề
- ❖ Mục tiêu
- ❖ Phương pháp nghiên cứu
- ❖ Kết quả và bàn luận
- ❖ Kết luận
- ❖ Kiến nghị



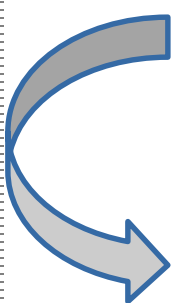
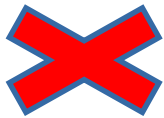
ĐẶT VẤN ĐỀ

- ❖ Giáo dục liên ngành (IPE):
 - Sinh viên của hơn hai ngành học tập từ nhau, về nhau và lẫn nhau nhằm cải thiện kết quả chăm sóc (WHO, 2010)
- ❖ Sinh viên học tập theo mô hình đội nhóm và có phối hợp các ngành khác nhau trong CTĐT khuynh hướng sẽ tiếp tục làm việc liên ngành sau khi tốt nghiệp (Bridges, Davidson, Odegard, Maki & Tomkowiak, 2011)
- ❖ IPE giúp SV giao tiếp tốt hơn và năng lực hợp tác sẽ cải thiện kết quả sức khỏe cho người bệnh (WHO, 2010)



ĐẶT VẤN ĐỀ

- ❖ Giao tiếp giữa các ngành với nhau không hiệu quả là do chưa có kinh nghiệm làm việc nhóm và điều này có thể ảnh hưởng đến an toàn người bệnh (Pham et. al., 2011)
 - Điều tra sự cố y khoa tại Hoa Kỳ, giao tiếp là nguyên nhân phổ biến thứ 2 dẫn đến sự cố y khoa.
 - Ước tính khoảng 44.000 đến 98.000 người Mỹ chết mỗi năm do sự cố y khoa (Kohn, Corrigan & Donaldson, 2000)



Sử dụng thời gian không hiệu quả, thời gian nằm viện kéo dài và chăm sóc không an toàn.

ĐẶT VẤN ĐỀ

❖ IPE trên thế giới

- Tại Virginia, Hoa Kỳ (Lockeman et al., 2017)
 - Nhận thức của sinh viên y khoa và điều dưỡng về năng lực hợp tác rất tích cực sau khi hoàn thành đợt tập huấn mô phỏng phối hợp liên ngành, và thay đổi quan điểm.
- Tại Malaysia (Maharajan et al., 2017)
 - IPE phát triển kỹ năng giao tiếp cho sinh viên trong đội nhóm và với người bệnh.
 - Sinh viên tin rằng giao tiếp liên ngành là một trong những yếu tố quyết định thành công trong phối hợp liên ngành.

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

So sánh điểm trung bình *sẵn sàng học tập liên ngành** giữa sinh viên y khoa và sinh viên điều dưỡng



**Readiness for InterProfessional Learning (RIPL)*

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ❖ Thiết kế cắt ngang mô tả
- ❖ Đối tượng
 - Sinh viên y khoa và sinh viên điều dưỡng năm 4
- ❖ Chọn mẫu phân tầng
 - SV điều dưỡng: 44 nữ- (88%) và 6 nam (1,2%)
 - SV y khoa: 18 nữ - (36%) và 32 nam (64%)
- ❖ Địa điểm
 - ĐHYD HCM
- ❖ Thu thập số liệu
 - Tự tường thuật
 - Bộ câu hỏi RIPL



Công cụ thu thập số liệu

❖ Readiness for Interprofessional Learning Scale

(McFadyen et al., 2005)

■ 19 câu hỏi

- Làm việc nhóm và hợp tác
- Bản sắc nghề nghiệp tiêu cực
- Bản sắc nghề nghiệp tích cực
- Vai trò và trách nhiệm

■ Thang đo Likert

5 = hoàn toàn đồng ý

4 = đồng ý

3 = không rõ

2 = không đồng ý

1 = hoàn toàn không đồng ý

Readiness for Interprofessional Learning Scale (RIPLS)

A. K. McFadyen et al. (2005)

	Strongly Disagree	Disagree	Neutral	Agree	Strongly Agree
1. Learning with other students will help me become a more effective member of a health care team	1	2	3	4	5
2. Patients would ultimately benefit if health-care students worked together to solve patient problems	1	2	3	4	5
3. Shared learning with other health-care students will increase my ability to understand clinical problems	1	2	3	4	5
4. Learning with health-care students before qualification would improve relationships after qualification	1	2	3	4	5
5. Communication skills should be learned with other health-care students	1	2	3	4	5
6. Shared learning will help me to think positively about other professionals	1	2	3	4	5
7. For small group learning to work, students need to trust and respect each other	1	2	3	4	5
8. Team-working skills are essential for all health care students to learn	1	2	3	4	5
9. Shared learning will help me to understand my own limitations	1	2	3	4	5
10. I don't want to waste my time learning with other health care students	1	2	3	4	5

Phân tích số liệu

- ❖ Số liệu được nhập, kiểm tra khiếm khuyết và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0
 - Thống kê mô tả
 - Tần số và tỉ lệ phần trăm
 - Trung bình, độ lệch chuẩn
 - Kiểm định Mann Whitney xác định sự khác biệt điểm sẵn sàng học tập liên ngành giữa 2 đối tượng SV
 - Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê $p < 0.05$



Đạo đức trong nghiên cứu

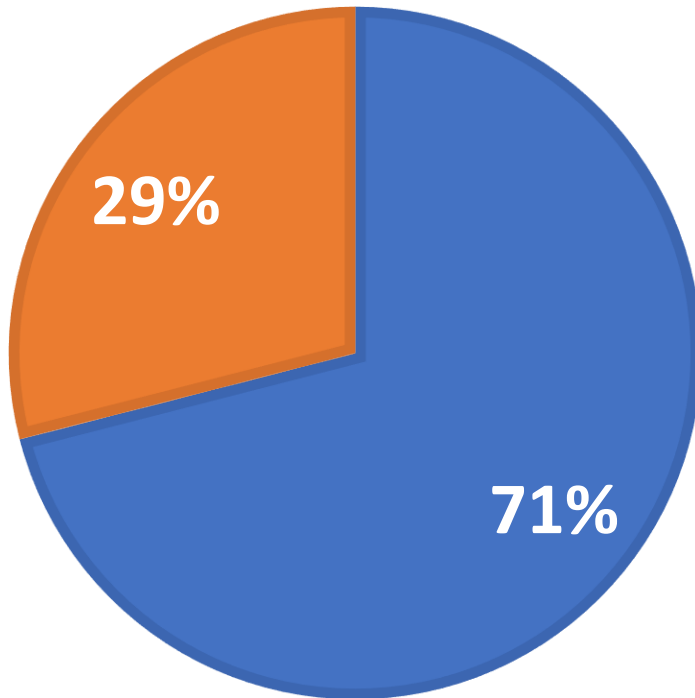
- ➡ Thông qua hội đồng đạo đức của ĐHYD HCM
- ➡ Sinh viên tham gia hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến việc học, kết quả học tập, mối quan hệ với GV và nhà trường
- ➡ Việc tham gia không mất nhiều thời gian, không có nguy cơ rủi ro đáng kể
- ➡ Bảo mật thông tin



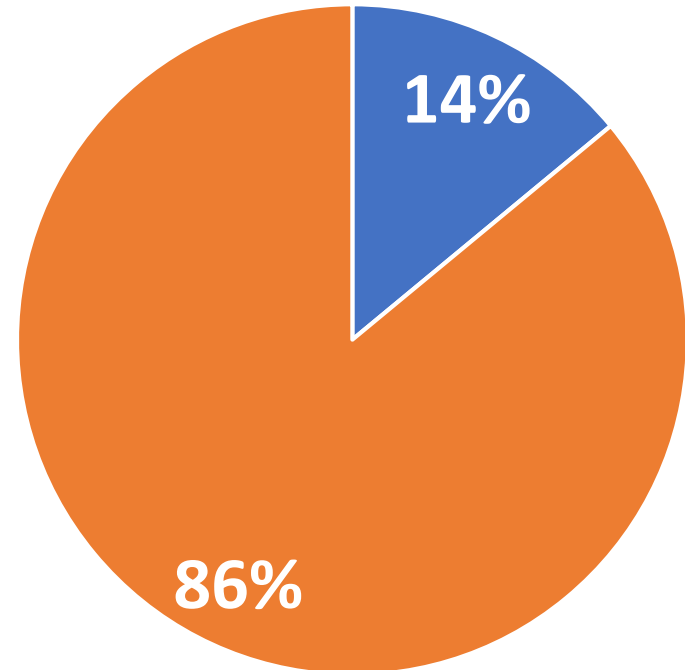
KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Đặc điểm SV tham gia NC

SV Y KHOA



SV ĐIỀU DƯỠNG



■ Nam

■ Nữ

SẴN SÀNG HỌC TẬP LIÊN NGÀNH

NỘI DUNG	SV ĐD TB (ĐLC)	SV Y TB (ĐLC)	P
1. Học với các SV ngành khác giúp tôi trở thành một thành viên tích cực của nhóm chăm sóc sức khỏe	4.17 (0.51)	4.04 (0.88)	0.791
2. Người bệnh sẽ có nhiều lợi ích nếu SV ngành sức khỏe làm việc cùng nhau để giải quyết vấn đề của họ.	4.57 (0.69)	4.39 (0.88)	0.459
3. Học cùng với các SV ngành sức khỏe khác sẽ tăng khả năng hiểu biết về các vấn đề lâm sàng	4.59 (0.55)	4.14 (0.85)	0.024
4. Học cùng với các SV ngành sức khỏe khác trước khi tốt nghiệp có thể sẽ cải thiện mối quan hệ sau khi tốt nghiệp	4.35 (0.59)	4.14 (0.80)	0.335
5. Kỹ năng giao tiếp nên được học với các SV ngành sức khỏe khác	4.16 (0.55)	3.64 (0.99)	0.023
6. Học tập liên ngành sẽ giúp tôi có suy nghĩ tích cực về các ngành khác	4.14 (0.49)	4.18 (0.82)	0.497
7. Để nhóm học tập hoạt động, SV cần tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau	4.51 (0.56)	4.61 (0.50)	0.539

SẴN SÀNG HỌC TẬP LIÊN NGÀNH

NỘI DUNG	SV ĐD TB (ĐLC)	SV Y TB (ĐLC)	P
8. Kỹ năng làm việc nhóm là thiết yếu mà tất cả sinh viên ngành sức khỏe cần học	4.35 (0.63)	4.68 (0.55)	0.026
9. Học tập liên ngành sẽ giúp tôi hiểu được giới hạn của bản thân	4.19 (0.67)	4.21 (0.50)	0.890
10. Tôi không muốn mất thời gian học cùng sinh viên các chuyên ngành khác*	2.00 (0.59)	2.29 (0.85)	0.193
11. Không cần thiết cho sinh viên ngành sức khỏe học cùng nhau*	1.81 (0.66)	2.04 (0.84)	0.256
12. Kỹ năng giải quyết các vấn đề lâm sàng chỉ có thể học với sinh viên chuyên ngành của tôi*	2.03 (0.50)	2.11 (0.74)	0.873
13. Học tập liên ngành với sinh viên các chuyên ngành khác sẽ giúp tôi giao tiếp tốt hơn với bệnh nhân và các chuyên ngành khác	4.05 (0.47)	3.86 (0.85)	0.368

SẴN SÀNG HỌC TẬP LIÊN NGÀNH

NỘI DUNG	SV ĐD TB (ĐLC)	SV Y TB (ĐLC)	P
14. Tôi sẽ chờ đón cơ hội làm việc trong các dự án nhóm nhỏ với sinh viên các chuyên ngành khác	4.19 (0.57)	4.00 (0.72)	0.315
15. Học tập liên ngành sẽ giúp làm rõ đặc điểm các vấn đề của người bệnh	4.35 (0.48)	4.14 (0.65)	0.220
16. Học tập liên ngành trước khi tốt nghiệp sẽ giúp tôi trở thành một thành viên tốt hơn trong nhóm làm việc	4.46 (0.56)	4.21 (0.57)	0.087
17. Chức năng của người điều dưỡng và kỹ thuật viên trị liệu chủ yếu là hỗ trợ cho bác sĩ	2.03 (0.87)	2.93 (0.86)	0.000
18. Tôi không chắc về vai trò của chuyên ngành của mình	1.78 (0.89)	1.79 (0.74)	0.732
19. Tôi phải đạt được nhiều kiến thức và kỹ năng hơn những sinh viên ngành sức khỏe khác	3.14 (0.95)	3.29 (1.01)	0.593

SẴN SÀNG HỌC TẬP LIÊN NGÀNH

NỘI DUNG	SD %	D %	N	A %	SA %
3. Học cùng với các SV ngành sức khỏe khác sẽ tăng khả năng hiểu biết về các vấn đề lâm sàng	0.0	0.0	2.7	35.1	62.2
	0.0	3.6	17.9	39.3	39.3
5. Kỹ năng giao tiếp nên được học với các SV ngành sức khỏe khác	0.0	0.0	8.1	67.6	24.3
	0.0	14.3	28.6	35.7	21.4
8. Kỹ năng làm việc nhóm là thiết yếu mà tất cả sinh viên ngành sức khỏe cần học	0.0	0.0	8.1	48.6	43.2
	0.0	0.0	3.6	25.0	71.4
17. Chức năng của người điều dưỡng và kỹ thuật viên trị liệu chủ yếu là hỗ trợ cho bác sĩ	21.6	64.9	5.4	5.4	2.7
	0.0	39.3	28.6	32.1	0.0

Học tập liên ngành trong quá trình đào tạo là quan trọng

Học tập liên ngành giúp SV hiểu vai trò chính của ngành trong nhóm làm việc (Maharajan et al., 2017).

BÀN LUẬN

- ❖ SV Y khoa tập trung “tăng khả năng để hiểu vấn đề lâm sàng”
→ *học với ngành khác có lợi cho ngành đó hơn là bản thân ngành mình*
- ❖ SV Y có điểm đồng ý cao câu 8
→ *đào tạo theo các hoạt động nhóm như là chỉ trong phạm vi ngành y*
- ❖ Nếu theo quan điểm này, khái niệm học tập liên ngành chưa phù hợp
- ❖ NC tại Malaysia: SV đánh giá giao tiếp liên ngành là một kỹ năng đáng giá trong nhóm chăm sóc sức khỏe (Maharajan et al., 2017).
- ❖ NC tại Hoa Kỳ: nhận thức của SV tích cực hơn sau khi hoàn thành khóa học mô phỏng đào tạo liên ngành; SV thay đổi quan điểm khuôn mẫu trước đây (Lockeman et al., 2017).
- ❖ SV chưa rõ về giáo dục liên ngành và do đó sẵn sàng chưa cao

KẾT LUẬN

- ❖ SV ĐD và SV Y có ý kiến khá tương đồng về sẵn sàng học tập liên ngành
- ❖ Một số ý kiến khác biệt phản ánh quan điểm của SV về ngành nghề.
- ❖ Thái độ về khái niệm học tập liên ngành tích cực
- ❖ SV có sẵn sàng học tập liên ngành



KIẾN NGHỊ

- ❖ Giáo dục liên ngành cần thiết trong đào tạo khối ngành sức khỏe
- ❖ Cần triển khai để cải thiện giao tiếp trong nhân viên y tế, hướng đến an toàn người bệnh, hiệu quả trong điều trị chăm sóc
- ❖ Nghiên cứu với cỡ mẫu lớn hơn, kết hợp nghiên cứu định tính

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bridges, D. R., Davidson, R. A., Soule Odegard, P., Maki, I. V & Tomkowiak, T. (2011). Interprofessional collaboration: three best practice models of interprofessional education. Medical Education Online, 16(1), 1-10. doi: 10.3402/meo.v16i0.6035
- Kohn, L. T., Corrigan, J. M. & Donaldson, M. S. (2000). To Err is Human: Building a Safer Health System. Washington: National Academy Press.
- Lockeman, K. S., Appelbaum, N. P., Dow, A. W., Orr, S., Huff, T. A., Hogan, C. J. & Queen, B. A. (2017). The effect of an interprofessional simulation-based education program on perception and stereotypes of nursing and medical students: A quasiexperimental study. Nurse Education Today, 2017(58), 32-37. doi:10.1016/j.nedt.2017.07.013
- Maharajan, M. K., Rajiah, K., Khoo, S. P., Chellappan, D. K., De Alwis, R., Chui, H. C., Lee Tan, L., Ning Tan, N. & Yee Lau, S. (2017). Attitudes and readiness of students of healthcare professions towards interprofessional learning. Plos One, 12(1), 1-12. doi:10.1371/journal.pone.0168863
- McFadyen, A. K., Webster, V. S., McClaren, W. M. (2006). The test-retest reliability of a revised version of the readiness for interprofessional learning scale (RIPLS). Journal of Interprofessional Care, 20(6), 633-639, doi:10.1080/13561820600991181
- Pham, J. C., Story, J. L., Hicks, R. W., Shore, A. D., Morlock, L. L., Cheung, D. S., Kelen, G. D. & Pronovost, P. J. (2011). National study on the frequency, types, causes, and consequences of voluntarily reported emergency department medication errors. The Journal of Emergency Medicine, 40(5), 485-492. doi:10.1016/j.jemermed.2008.02.059
- World Health Organization. (2010). Framework for Action on Interprofessional Education & Collaborative Practice. Retrieved 4 December, 2017 from: http://apps.who.int/iris/bitstream/10665/70185/1/WHO_HRH_HPN_10.3_eng.pdf?ua=1

Trân trọng cảm ơn!

